

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày 06-01-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thanh Hùng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Thảo, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc L tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc L có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1961

Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp Phú T, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc L.

**- Bị đơn:** Ông **Tô Hữu D (Tô Văn C)**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc L.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1964

+ Ông **Tô Văn L**, sinh năm 1987

+ Ông **Tô Văn R**, sinh năm 1989

+ Ông **Tô Hữu B**, sinh năm 2001

+ Ông **Quách Kim Đ**, sinh năm 1984

+ Bà **Đỗ Kim N**, sinh năm 1994

Cùng Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Ninh Q, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Văn L, ông Tô Văn R, ông Tô Hữu B, ông Quách Kim Đ, bà Đỗ Kim N, là Ông Tô Hữu D và bà Đặng Thị N. (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2021)*

+ **Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam**

Địa chỉ: Số 18, đường Trần Hữu D, khu đô thị mới Mỹ Đình I, huyện Từ L, thành phố Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc K** – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Hà Minh T** – Giám đốc chi nhánh huyện H D.

- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn ông Trần Văn N; bà Võ Thị L.

*(Ông N, bà L, ông D, bà N có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại các biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Võ Thị L trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông ngoại ông là ông Trần Phước T khai phá sử dụng đến năm 1980 thì cho lại mẹ ông là bà Trần Thị L với tổng diện tích là 18.000m<sup>2</sup> (Bao gồm đất nông nghiệp, lập vườn và thổ cư). Đến năm 1983 mẹ ông cho lại vợ chồng ông canh tác sử dụng đến nay. Phần đất vườn và thổ cư của ông giáp ranh với đất ông Tô Hữu D. Vào khoảng tháng 3 năm 1983 (âm lịch) ông có đào con mương chiều ngang khoảng 04m, dài khoảng 45m ở phía giáp ranh với đất của ông D để dẫn nước ra phía sau ruộng của ông. Khi đào mương ông có chừa một phần đất chiều ngang khoảng 1,5m khi đào đất mương ông bỏ bên phần giáp với đất ông 07 phần, còn 03 phần bỏ bên phía giáp đất ông D 03 phần. Cùng đào mương với ông có ông Thạch B, ông Danh K, ông Danh Đ, ông Quách Văn L, ông Danh H, ông Danh P lúc đào mương ông D biết nhưng không ngăn cản gì. Đến khoảng tháng 10 năm 1983 vợ chồng ông đi Cà M làm ăn đến năm 2008 trở về nhà mới phát hiện ông D lấn chiếm phần đất của ông chiều ngang khoảng 02m, dài 4,5m, qua đo đạc thực tế là 132,6m<sup>2</sup>. Nay ông bà yêu cầu ông D phải trả đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 132,6m<sup>2</sup>.

*Bị đơn ông Tô Hữu D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N thống nhất trình bày:* Ông, bà có phần đất vườn tạp và thổ cư có diện tích khoảng 3.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Phú T, xã Ninh Q, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L do cha ruột của ông là ông Tô Văn B khai phá, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Sau đó, cha ông cho lại ông sử dụng cho đến nay (Hiện cha ông Vẫn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đất này có một cạnh giáp đất ông Trần Văn N, giữa đất ông và đất ông N trước đây có bờ ranh, nhưng khoảng năm 1983 ông N đào con mương ranh và cả ông và ông N cùng sử dụng chung đường mương ranh này từ khi đào cho đến nay không có tranh chấp. Nay ông N yêu cầu ông

trả đất qua đo đạt thực tế là 132,6m<sup>2</sup>. Trên phần đất này, ông xây dựng một phần bờ kè trên 20 năm. Đồng thời, cất nhà và chăn nuôi heo, trồng cây cũng lâu, ông N cũng không ngăn cản. Trước khi tranh chấp thì ông có xây dựng trại xuồng nhưng hiện tại ông đã tháo dỡ, riêng căn nhà ông cất cũng từ lâu nhưng do cũ xuồng cấp nên ông xây dựng lại khoảng 01 năm nay. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây là cấp đại trà không đúng với ranh thực tế hai bên sử dụng. Qua kết luận của cơ quan chuyên môn lại kết luận nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn N, nhưng trên thực tế ông sử dụng đất này rất lâu và có nhiều người biết nên ông không đồng ý trả đất cho ông N. Đất và nhà hiện gia đình ông trực tiếp quản lý sử dụng.

Ông Tô Văn L ông Tô Văn R, ông Tô Hữu B, bà Quách Kim Đ, bà Đỗ Thị N đều có ý kiến: Ông, bà là các con của ông D bà N, ông bà thống nhất theo lời trình bày của ông D, bà N và không có yêu cầu gì thêm.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Trong vụ án này ngân hàng tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và có đơn yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, xét thấy phần đất tranh chấp nhỏ, nợ ông N vay vẫn còn trong hạn, khi xét xử không ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên ngân hàng xin rút yêu cầu độc lập.

*Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L quyết định:*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Võ Thị L

2. Buộc ông Tô Hữu D, bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trần Văn N, bà Võ Thị L giá trị phần đất tranh chấp tổng số tiền là 8.751.600 đồng (Tám triệu, bảy trăm, năm mươi một nghìn, sáu trăm đồng).

Ông Tô Hữu D, bà Đặng Thị N được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 132,6m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 0450, tờ bản đồ số 23 ông Trần Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phần đất được định vị như sau:

Phía Đông giáp phần đất ông Trần Văn N (Phần đất không tranh chấp) có cạnh dài 56,8m.

Phía Tây giáp phần đất của ông Tô Hữu D (Phần đất không tranh chấp) có cạnh dài 56,6m.

Phía Nam giáp phần đất của ông Trần Văn N và ông Tô Hữu D có cạnh dài 0,0m.

Phía Bắc giáp đường nhựa có cạnh dài 4,7m.

Ông Tô Hữu D và bà Đặng Thị N có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất khi có nhu cầu.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, áp dụng Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2021, đồng nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Võ Thị L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Tô Hữu D và bà Đặng Thị N giao trả phần đất lấn chiếm.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. Kháng nghị phúc thẩm theo hướng buộc ông Tô Hữu D, bà Đặng Thị N, anh Tô Văn L, anh Tô Văn R, anh Tô Hữu B, chị Quách Kim Đ, chị Đỗ Kim N cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản để giao trả cho ông Trần Văn N, bà Võ Thị L phần đất qua đo đạc thực tế là 132,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 450 tờ bản đồ số 23 và chỉ buộc ông Tô Hữu D và bà Đặng Thị N phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền 200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn ông N và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc L tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D, sửa một phần Bản án số 40/2021/DSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông N, bà L và Kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D là trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hội đồng xét xử xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông N và bà L về yêu cầu ông D và N giao trả phần diện tích đất lấn chiếm là 132,6m<sup>2</sup>.

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông N, bà L xác định là do của ông bà ngoại khai phá sử dụng đến năm 1980 thì cho lại mẹ ông là bà Trần Thị L với tổng diện tích 18.000m<sup>2</sup> (bao nhiêu đất nông nghiệp, lập vườn và thổ cư). Đến năm 1983 mẹ ông cho lại vợ chồng ông canh tác sử dụng đến nay. Còn phía ông D xác định

nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ruột là ông Tô Văn B khai phá, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Sau đó, cha ông cho lại ông sử dụng đến nay.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 26/3/2019 và Mảnh trích đo địa chính số 57-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng D cung cấp phần đất tranh chấp có tổng diện tích 132,6m<sup>2</sup> giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn N đứng tên tại thửa 450, tờ bản đồ số 23. Ủy ban nhân dân huyện Hồng D xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn N đối với phần đất tranh chấp là đúng đối tượng, đúng theo trình tự quy định pháp luật. Đồng thời theo trình bày của các người làm như ông Danh H, ông Quách Văn L, ông Danh Đ, ông Danh P, ông Danh K, ông Thạch B đồng xác định vào khoảng 3/1983 các ông được ông N thuê đào mương ngang khoảng 4m dài khoảng 45m, con mương nằm giáp ranh với đất ông D, điều này phù hợp với thừa nhận của ông Dân là đất giữa ông và ông N có bờ ranh ông N đào sử dụng làm đường nước sử dụng chung cho cả hai. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định phần đất thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông N bà L là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Hội đồng xét xử xét thấy hiện trạng đất trước khi phát sinh tranh chấp thì trên đất tranh chấp chỉ có một số cây trồng và một số tài sản khác không có các công trình kiên cố, về sau thời điểm ông D xây dựng bờ kè trên phần đất tranh chấp phía ông N, bà L không có mặt tại địa phương nên không thể ngăn cản việc xây dựng, còn đối với căn nhà phụ và phần mái che ông D bà N xác định ông bà xây dựng năm 2020, là xây dựng trong thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết. Ông D, bà N biết rõ phần đất đang tranh chấp nhưng ông bà vẫn cố tình xây dựng căn nhà phụ và mái che trên phần đất đang tranh chấp nên ông bà phải tự chịu mọi thiệt hại phát sinh. Hơn nữa, khi ông N, bà L trở về địa phương sinh sống thì hai bên gia đình phát sinh tranh chấp kéo dài thì năm 2012 đến nay, phần đất đã bị vợ chồng ông D, bà N lấn chiếm nên phía ông N, bà L không sử dụng được. Xét về điều kiện nơi ở của ông D bà N thì phần đất tranh chấp không phải là nơi ở duy nhất vì ông D bà N còn có phần nhà và đất ở vị trí khác, ngoài ra tại biên bản hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã Ninh Q ngày 10/5/2013 ông D có ý kiến *“nếu tôi có làm bờ kè lẹm qua ông N bà L thì tôi tự chịu trách nhiệm”* và tại biên bản hòa giải ngày 17/10/2013 của ông N bà L và ông D bà N thống nhất phần đất trong giấy ai đứng tên thì người đó sử dụng. Tuy căn nhà phụ, mái che và bờ kè được xây dựng trên phần đất của ông N có giá trị cao hơn giá trị phần đất tranh chấp nhưng qua nhiều lần hòa giải cũng như xét xử từ năm 2014 đến nay, Ông N, bà L vẫn giữ ý kiến yêu cầu được trả đất và không đồng ý nhận giá trị. Do đó, yêu cầu của ông N, bà L là có cơ sở nên cần buộc ông D, bà N tháo dỡ công trình trả lại hiện trạng phần đất cho ông N, bà L mà ông D đã lấn chiếm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phía ông N, bà L không sử dụng là không đúng với bản chất sự việc và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, bà L.

[3] Hội đồng xét xử xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D về việc yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm số 40 ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D:

[3.1] Xét yêu cầu buộc ông D, bà N tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp trả lại đất cho ông N bà L. Cũng như phân nhận định ở trên thì xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Xét việc tại Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông D, bà N phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng là chưa đúng quy định. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326 quy định thì do vụ án được thụ lý ngày 30/10/2015 nên tiền án phí sẽ được tính theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 01 ngày 13/6/2012. Do đó, ông D bà N phải chịu tiền án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N bà Võ Thị L, chấp nhận kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn N, bà Võ Thị L không phải chịu theo quy định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N, bà Võ Thị L và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng D. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

Căn cứ Điều 26; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 158, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Võ Thị L.

2. Buộc ông Tô Hữu D (Tô Văn C), bà Đặng Thị N, ông Tô Văn L, ông Tô Văn R, ông Tô Hữu B, bà Quách Kim Đ, bà Đỗ Kim N, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các ông bà cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ phần tài sản trên phần đất tranh chấp gồm: một phần căn nhà phụ, mái che ngang, một cái miếu, 02 cây dừa, bờ kè (được thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D). Để giao trả cho ông Trần Văn N, bà Võ Thị L diện tích đất qua đo đạc thực tế là 132,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa

450, tờ bản đồ số 23, tại ấp Phú T, xã Ninh Q, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. Phần đất được định vị như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất ông Trần Văn N (Phần đất không tranh chấp) có cạnh dài 56,8m.

+ Phía Tây giáp phần đất của ông Tô Hữu D (Phần đất không tranh chấp) có cạnh dài 56,6m.

+ Phía Nam giáp phần đất của ông Trần Văn N và ông Tô Hữu D có cạnh dài 0,0m.

+ Phía Bắc giáp đường nhựa có cạnh dài 4,7m.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch buộc ông Tô Hữu D và bà Đặng Thị N phải cùng có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

Ông Trần Văn N và bà Võ Thị L dự nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 002126 ngày 17 tháng 10 năm 2013 và số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005319 ngày 18 tháng 4 năm 2017; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hồng D dự nộp 1.300.000 đồng tại biên lai thu số 0005359 ngày 17 tháng 5 năm 2017 sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng D trong giai đoạn thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Văn N, bà Võ Thị L không phải nộp. Ông N, bà L đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005884 ngày 04 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng D, tỉnh Bạc L nên được hoàn lại.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 2.000.000 đồng. Ông N bà L đã dự nộp và chi phí hết nên buộc ông Tô Hữu D và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ hoàn lại số tiền là 2.000.000 đồng cho ông Trần Văn N, bà Võ Thị L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận**

- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện HD;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC THADS huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**Trương Thanh Dũng**